

TÌNH HÌNH CÂN ĐỐI NSDP QUÝ II NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Măng Đen)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Thực hiện		So sánh thực hiện quý II với (%)	
			Quý II	Lũy kế đến Quý II	Dự toán	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4=3/1	5
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	433.120	256.261	328.203	76	
I	Thu nội địa	433.120	256.261	328.203	76	
II	Thu từ dầu thô				-	
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu				-	
IV	Thu viện trợ				-	
B	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	398.014	300.429	404.905	102	
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	346.536	185.196	263.917	76	
1	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	27.112	15.801	26.964	99	
2	Thuế giá trị gia tăng (phần NSDP hưởng 30%)	-			-	
3	Các khoản thu phân chia NSDP theo tỷ lệ %	319.424	169.395	236.953	74	
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	51.478	19.551	45.306	88	
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	39.880	9.960	19.920	50	
2	Thu bổ sung có mục tiêu	11.598	9.591	25.386	219	
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính				-	
IV	Thu kết dư				-	
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		95.682	95.682	-	
C	TỔNG CHI NSDP	398.014	99.185	125.276	31	
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	386.416	41.088	64.825	17	
1	Chi đầu tư phát triển	258.000	10.272	10.272	4	
2	Chi thường xuyên	124.003	30.166	53.896	43	
3	Chi cho vay			-	-	
4	Chi viện trợ			-	-	
5	Chi trả nợ lãi			-	-	
6	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính			-	-	
7	Dự phòng NSNN	4.413	650	657	15	
8	Các nhiệm vụ chi khác			-	-	
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp trên	11.598	58.097	60.451	521	
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau				-	

THỰC HIỆN THU NSNN QUÝ II NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Măng Đen)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Thực hiện		So sánh thực hiện quý II với (%)	
			Quý II	Lũy kế đến Quý II	Dự toán	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4	5
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	433.120	256.261	328.203	76	
I	Thu nội địa	433.120	256.261	328.203	76	
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước	385	13	267	69	
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn ĐTNN		65	106	-	
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	107.230	25.056	48.253	45	
4	Thuế thu nhập cá nhân	8.100	3.118	4.735	58	
5	Thuế bảo vệ môi trường				-	
6	Các loại phí, lệ phí	8.250	1.187	2.537	31	
	<i>Trở lại: Lệ phí trước bạ</i>	<i>7.000</i>	<i>1.064</i>	<i>2.350</i>	34	
7	Các khoản thu về nhà, đất	301.725	225.822	270.450	90	
-	<i>Thuế sử dụng đất nông nghiệp</i>				-	
-	<i>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</i>	85	43	47	55	
-	<i>Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước</i>	1.640	462	462	28	
-	<i>Thu tiền sử dụng đất</i>	300.000	225.317	269.941	90	
-	<i>Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà thuộc sở hữu NN</i>				-	
8	Thu tiền sử dụng khu vực biển				-	
9	Thu từ khai thác, xử lý tài sản công xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công				-	
10	Thu từ hoạt động xổ số				-	
11	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước, cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, thu tiền sử dụng khu vực biển	7.170	757	954	13	
12	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước				-	
-	<i>Thu hồi vốn NSNN đầu tư tại tổ chức kinh tế</i>				-	
-	<i>Thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước</i>				-	
13	Thu quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác				-	
14	Thu khác ngân sách	260	243	901	347	
II	Thu từ dầu thô				-	
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu				-	

STT	Nội dung	Dự toán	thực hiện		So sánh thực hiện quý II với (%)	
			Quý II	Lũy kế đến Quý II	Dự toán	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4	5
1	Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu				-	
2	Thuế xuất khẩu				-	
3	Thuế nhập khẩu				-	
4	Thuế TTĐB thu từ hàng hóa nhập khẩu				-	
5	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu				-	
6	Thuế bổ sung đối với hàng hóa nhập khẩu				-	
7	Thuế khác				-	
IV	Thu viện trợ				-	
B	Hoàn thuế GTGT, thuế TTĐB và các khoản thu khác				-	
1	Thuế GTGT				-	
2	Thuế TTĐB				-	
3	Hoàn các khoản thu khác				-	
C	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	346.536	185.196	263.917	76	
1	Từ các khoản thu phân chia giữa NSTW và NSDP	319.424	169.395	26.964	8	
2	Thuế GTGT (phần NSDP hưởng 30%)	-		-	-	
3	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	27.112	15.801	236.953	874	

THỰC HIỆN CHI NSNN QUÝ II NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Măng Đen)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán giao đầu năm	Thực hiện		So sánh thực hiện quý II với (%)	
			Quý II	Lũy kế đến Quý II	Dự toán	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4=3/1	5
	TỔNG CHI NSDP	398.014	99.185	125.276	31	
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	386.416	41.088	64.825	17	
I	Chi đầu tư phát triển	258.000	10.272	10.272	4	
1	Chi đầu tư phát triển theo ngành, lĩnh vực	258.000	10.272	10.272	4	
2	Chi chương trình mục tiêu quốc gia			-	-	
II	Chi trả nợ lãi			-	-	
III	Chi thường xuyên	124.003	30.166	53.896	43	
	<i>Trong đó:</i>			-	-	
	- Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	84.936	20.278	36.745	43	
	- Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	-		-	-	
IV	Chi cho vay			-	-	
V	Chi viện trợ			-	-	
VI	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính			-	-	
VII	Dự phòng ngân sách nhà nước	4.413	650	657	15	
VIII	Chi cải cách tiền lương, tinh giản biên chế			-	-	
IX	Các nhiệm vụ chi khác			-	-	
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NS CẤP TRÊN CHO NSDP	11.598	58.097	60.451	521	
1	Chi đầu tư thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án			-	-	
2	Chi thường xuyên thực hiện các chế độ, chính sách	11.598	58.097	60.451	521	
3	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia				-	

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHO ĐỊA PHƯƠNG VÀ QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Măng Đen)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự phòng ngân sách địa phương			Dự phòng ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương			Quỹ dự trữ tài chính		
		Dự toán HĐND quyết định	Lũy kế đã sử dụng	Còn lại	Số NSTW bổ sung	Số đã phân bổ	Còn lại	Số dư đầu năm	Lũy kế đã sử dụng	Còn lại
A	B	1	2	3=1-2	4	5	6=4-5	7	8	9=7-8
	Tổng số	4.413,0	657,0	3.756,0	-	-	-	-	-	-
1	Chi đầu tư phát triển									
2	Chi thường xuyên	4.413,0	657,0	3.756,0						